

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1LX** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH04204** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Quản lý dịch hại tổng hợp và QLCD**
Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201162873	Lê Thị Kim	Anh	20/09/2007			0	8.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6
2	2256201162875	Cao Nhật	Duy	09/06/2007			0	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.4
3	2256201162876	Nguyễn Tuấn	Đạt	15/08/2007			0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
4	2256201162878	Phan Thị Ngọc	Hân	29/06/2007			6	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6
5	2256201162879	Nguyễn Trường	Hảo	25/07/2007			8	8.0	10.0	10.0	9.0	9.0	5.8		7.1
6	2256201162880	Nguyễn Tấn	Hoàng	05/06/2005			9	8.0	9.0	10.0	7.0	9.0	5.3		6.6
7	2256201162884	Nguyễn Ngọc Tuyết	Ngân	27/07/2007			5	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7
8	2256201162886	Hà Kim	Ngọc	26/10/2007			8	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.3		6.3
9	2256201162887	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	08/04/2007			0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
10	2256201162889	Phan Yến	Nhi	02/10/2007			8	8.0	9.0	8.0	7.0	7.0	5.0		6.1
11	2256201162890	Lê Diễm	Phúc	18/06/2007			0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
12	2256201162891	Lê Hoàng Long	Phúc	15/03/2007			4	8.0	6.0	6.0	7.0	0.0	5.5		5.4
13	2256201162892	Phạm Anh	Thư	09/06/2005			9	8.0	10.0	10.0	10.0	9.0	7.0		7.9
14	2256201162893	Thái Văn	Tính	08/04/2007			0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.5
15	2256201162894	Đỗ Phước	Toàn	23/10/2007			0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
16	2256201162897	Trương Ngô Tường	Vý	09/10/2007			5	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7
17	2256201162899	Châu Thuận	Ý	12/10/2007			8	8.0	7.0	9.0	9.0	8.0	7.3		7.7
18	2256201162900	Huỳnh Bảo	Trần	12/11/2005			0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 22 tháng 2 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Bích Thắm